礼	拜	别	爱	拿
11	bài	bié	ài	ná
BF: week	BF: week	BF/AV: other /don*t	AV/V: love to/love	V: take, carry
因	贵	太	思	位
yīn	guì	tài	sī	wèi
BP: because	SV: be expensive	A/BF: too, excessively /wife, Mrs.	BF: meaning	M: (polite for persons)
进	行	送	情	件
jìn	xing	sòng	qing	jiàn
V: enter	SV: a11 right	V: send, deliver, escort	BF: thing, affair, job	M: (for articles, affairs, baggages)